TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **325**/2026/HS-PT
Ngày: 04 - 9 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Văn Phú**

Các Thẩm phán: Ông **Lê Minh Tân**

Bà **Trần Thị Bé**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Huỳnh Thái Ngọc Nhật** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Phan Ngọc Đức** - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 255/2026/TLPT-HS ngày 15 tháng 7 năm 2026 đối với bị cáo Trần Thế P cùng đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo Trần Thế P, Lê Vĩnh T, Trần Văn S, Lê Tự T1, Nguyễn Thị Như H, Dương Thị Xuân T2, Trần Anh T3, Trần Thanh T4, Nguyễn Thị Ngọc Á đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 116/2026/HS-ST ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đà Nẵng.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Trần Thế P** (tên gọi khác: V), sinh ngày 27/10/1973 tại thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: khối phố P, phường A, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Bác sĩ thú y; Trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần T5 (sống) và bà Phạm Thị H1 (chết); có vợ là Nguyễn Thị C (sinh năm 1975) và 02 con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Ngày 13/01/2017 Toà án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (cũ) xử phạt tiền 60.000.000 đồng về tội "Tổ chức đánh bạc".

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Có mặt tại phiên tòa.

2. **Lê Vĩnh T**, sinh ngày 20/01/2005 tại thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: A Mẹ T, khối C, phường Đ, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Vĩnh T6 (sống) và bà Nguyễn Thị Phương T7 (sống); bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Có mặt tại phiên tòa.

3. **Trần Văn S** (tên gọi khác: H), sinh ngày 28/02/1969 tại thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: khối phố P, phường A, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Bảo vệ; Trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

con ông Trần D (chết) và bà Nguyễn Thị T8 (chết). Có vợ là Nguyễn Thị C1 (sinh năm 1980). Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Có mặt tại phiên tòa.

4. **Lê Tự T1**, sinh ngày 06/7/1977 tại thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: khối phố thôn T, phường A, thành phố Đà Nẵng; chỗ ở hiện nay: thôn V, phường Đ, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Thợ xây; Trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Tự Ứ (chết) và bà Trương Thị M (sống); có vợ là Nguyễn Thị B (sinh năm 1978) và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 13/11/2023 Công an huyện D, tỉnh Quảng Nam (cũ) xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Đánh bạc", hình thức phạt tiền: 1.500.000 đồng.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Có mặt tại phiên tòa.

5. **Nguyễn Thị Như H**, sinh ngày 10/11/1975 tại thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: thôn T, phường A, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Bá T9 (sống) và bà Trương Thị T10 (sống); có chồng là Lê Tự T11 (sống) và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh 2005; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Có mặt tại phiên tòa.

6. **Dương Thị Xuân T2**, sinh ngày 02/7/1968 tại thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: khối phố T, phường Đ, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương M1 (chết) và bà Nguyễn Thị L (chết); có chồng là Trần Lê A (chết) và 04 con, con lớn nhất sinh năm 1992, con nhỏ nhất sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Có mặt tại phiên tòa.

7. **Trần Anh T3** (tên gọi khác: B1), sinh ngày 28/8/1978 tại thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: Tổ D, phường A, thành phố Đà Nẵng; chỗ ở hiện nay: 77 P, phường A, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Lái xe du lịch; Trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Siêu H2 (sống) và bà Tạ Thị Mỹ Đ (sống); có vợ là Phạm Thị Mỹ H3 (sinh năm 1983) và có 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2010.

Tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 10/7/2024 Công an phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (cũ) xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi "Đánh bạc".

Nhân thân: Ngày 14/8/2025, Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 09 (chín) tháng tù giam về tội "Đánh bạc" (theo bản án số 99/2025/HSST ngày 14/8/2025 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng). Hiện bị cáo đang chấp hành án đối với bản án này tại Phân Trại tạm giam C, thuộc Trại tạm giam số 1 – Công anh thành phố Đà Nẵng từ ngày 01/7/2026.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

8. **Trần Thanh T4** (tên gọi khác: X), sinh ngày 29/4/1989 tại thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: khối phố P, phường A, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: phụ hồ; Trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt

Nam; con ông Trần T12 (chết) và bà Huỳnh Thị T13 (sống); có vợ là Nguyễn Thị H4 (sinh năm 1989) và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 24/9/2020 Công an phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi "Đánh bạc".

- Ngày 31/3/2023 Công an phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi "Đánh bạc".

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Có mặt tại phiên tòa.

9. **Nguyễn Thị Ngọc Á**, sinh ngày 17/10/1985 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: thôn K, phường Đ, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H5 (sống) và bà Huỳnh Thị C2 (sống); có chồng là Trần Cảnh Phương T14 (1979) và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho các bị cáo Trần Thế P, Trần Văn S: Luật sư Trần Tuấn L1 – Công ty L3, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ. Địa chỉ: Tầng B, số B N, phường T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Thị Như H, Dương Thị Xuân T2: Luật sư Ngô Thị Đ1 – Văn phòng Luật sư Vũ Minh T15, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ. Địa chỉ: A T, phường T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ quen biết với nhiều người chơi và nhà cái ghi đề cấp dưới, từ khoảng tháng 4/2024 đến ngày 03/8/2024, Trần Thế P đã đứng ra ghi số lô – đề cho người chơi hoặc tiếp nhận tịch đề do nhà cái cấp dưới chuyển đến để trực tiếp thắng thua (làm cái). Trần Thế P thuê Lê Vĩnh T làm nhiệm vụ theo dõi, quản lý, trực tiếp tiếp nhận các con số lô – đề do người chơi đánh, do nhà cái cấp dưới gửi đến; tính toán, thống kê kết quả thắng thua hằng ngày rồi chụp hình gửi qua tin nhắn trên Telegram cho Phiệt kiểm tra. Phiệt thuê Trần Văn S trực tiếp làm việc với người chơi, nhà cái cấp dưới để nhận và chi trả tiền đánh đề thắng thua hằng ngày.

Trần Thế P thống nhất cùng người chơi, các nhà cái cấp dưới căn cứ vào cách thức đánh lô - đề và kết quả xổ số kiến thiết hàng ngày của các tỉnh miền N (kết quả xổ số lúc 16h15'), các tỉnh miền T (kết quả xổ số lúc 17h15'), miền B (kết quả xổ số lúc 18h15') để xác định thắng thua.

Để giữ chân con bạc, nhà cái dưới không đánh số lô đề qua người khác và lôi kéo thêm con bạc tham gia, P thoả thuận chi tiền phần trăm hoa hồng trên tổng số tiền ghi trong ngày (tổng tiền trên tịch), tuỳ từng người mà P thoả thuận cách tính hoa hồng khác nhau và thông báo cho T biết để tính toán tiền thắng, thua (từ 9% đến 10% tiền trên tịch khi đánh 2 con số, từ 15% đến 20% khi đánh 3 con số, đánh xiên).

Trần Văn S là người hỗ trợ giúp sức cho Trần Thế P trong hoạt động tổ chức đánh bạc dưới hình thức nhận, đánh số lô đề. S có vai trò thu tiền thắng hay trả tiền thua với

nhà cái dưới và con bạc thay cho Trần Thế P khi có thông báo kết quả cuối ngày của Lê Vĩnh T. S đã thu lợi 19.000.000 đồng, là tiền công và tiền thưởng trong quá trình làm việc cho Trần Thế P. S không nắm được cụ thể cách thức hoạt động tiếp nhận, đánh số lô – đề.

Các nhà cái dưới và con bạc của Trần Thế P gồm:

- **Nguyễn Thị Như H**: Từ khoảng tháng 6 năm 2024 đến thời điểm bị phát hiện, Nguyễn Thị Như H đã đứng ra ghi số lô – đề cho khách tại quán nước mía trước nhà ở địa chỉ thôn T, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam (cũ) sau đó sử dụng số điện thoại 0799612537 nhắn tin chuyển các số lô – đề này đến Trần Thế P (số điện thoại 0931986607, do T quản lý). Phiệt cho H hưởng hoa hồng 9% đến 10% tiền trên tịch.

Khi người chơi đến đánh đề, H ghi nội dung đánh đề vào hai tờ giấy, một tờ giao cho người chơi, một tờ H giữ để theo dõi. Sau khi có kết quả xổ số, người chơi trúng đề sẽ đến giao lại tờ giấy có nội dung đánh đề của mình để H đối chiếu và nhận tiền thắng. Mỗi ngày sau khi thanh toán tiền xong, H đều xé bỏ các tịch đề có liên quan. Cứ khoảng 3 – 4 khách đến ghi đề thì H tổng hợp nhắn cho T một tin và đánh số thứ tự từng tin trong ngày. Sau khi thống nhất kết quả thắng thua với P, H xoá hết các tin nhắn này.

Việc chi trả tiền đề giữa H và P được thực hiện bằng tiền mặt, thống nhất khi người chơi ghi đề đủ 5.000.000 đồng trở lên thì P giao cho Trần Văn S đến nhận tiền. Sau khi có kết quả xổ số, tính toán tiền thắng thua trong ngày thì S sẽ đến giao hoặc nhận số tiền còn chênh lệch.

Căn cứ tài liệu chứng cứ thu thập được, từ ngày 30/7/2024 đến ngày 03/8/2024, Nguyễn Thị Như H đã nhiều lần nhắn tin chuyển đề cho Trần Thế P. Tổng số tiền đánh bạc của Nguyễn Thị Như H là 247.766.433 đồng. Hưởng lợi bất chính số tiền là 11.965.750 đồng. Số lần có tiền đánh bạc trên 20.000.000 đồng là: 08 lần.

Kết quả P thua 10.691.383 đồng. Hiện tại giữa bị cáo P và bị cáo H đã thanh toán xong số tiền thắng thua.

- **Dương Thị Xuân T2**: Từ khoảng tháng 5 năm 2024, T2 buôn bán dạo quanh khu vực chợ V1, TX. Đ, tỉnh Quảng Nam (cũ). Biết P đứng ra nhận số đề nên T2 trực tiếp ghi số đề từ nhiều người khách vãng lai sau đó chuyển lại cho P để hưởng hoa hồng. T2 ghi nội dung đánh đề vào giấy đưa cho khách giữ đồng thời ghi lại vào một vở học sinh mang theo để so sánh khi có kết quả xổ số. Người chơi trúng đề mang giấy có số trúng thưởng đến gặp T2 để nhận tiền trúng. Sau khi chi trả xong tiền trúng đề cho người chơi, T2 xé bỏ các tịch đề có liên quan.

Sau khi ghi số, T2 sử dụng điện thoại nhãn hiệu Mobell, model C310, màu cam (IMEI 1: 830031600132238, gắn số điện thoại 0343921529) để nhắn tin SMS chuyển tịch đề đến P (số điện thoại 0931986607, do T quản lý) và hưởng tiền hoa hồng 10% trên tổng số tiền ghi hằng ngày (tiền trên tịch). Đồng thời T2 sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu OPPO gắn thẻ sim số 0935233981 đăng nhập zalo tên "Xuân Thu" để nhận, trao đổi kết quả thắng thua hằng ngày. Sau khi thống nhất kết quả thắng thua trong ngày, T2 xoá hết tin nhắn có liên quan.

Việc chi trả tiền đề giữa T2 và P được thực hiện bằng tiền mặt, thống nhất khi người chơi ghi đề đủ 5.000.000 đồng trở lên thì P giao cho Trần Văn S đến nhận tiền. Sau khi có kết quả xổ số, tính toán tiền thắng thua trong ngày thì S sẽ đến giao hoặc nhận số tiền còn chênh lệch.

Căn cứ tài liệu chứng cứ thu thập được, từ ngày 26/7/2024 đến ngày 03/8/2024, Dương Thị Xuân T2 đã nhiều lần nhắn tin chuyển đề cho Trần Thế P. Tổng số tiền đánh

bạc của Dương Thị Xuân T2 là 274.550.000 đồng. Hưởng lợi bất chính số tiền là 16.505.200 đồng. Số lần có tiền đánh bạc trên 20.000.000 đồng là 03 lần.

Kết quả P thắng 38.973.300 đồng. Hiện tại giữa P và T2 đã thanh toán xong số tiền thắng thua.

- **Lê Tự T1**: Từ khoảng đầu tháng 7 năm 2024, biết P nhận số đề nên T1 trực tiếp ghi số đề tại nhà cho khách vãng lai sau đó chuyển lại cho P để hưởng hoa hồng. Tèo sử dụng giấy than kẹp ở giữa hai tờ giấy vở để ghi đề, tờ chính (lai thứ nhất) Tèo giữ, tờ dưới giấy than (lai thứ 2) giao người đánh đề giữ. Nếu người chơi trúng đề thì mang lai thứ 2 đến T1 nhận tiền trúng. Hàng ngày, sau khi chi trả xong tiền đề, T1 đều xé bỏ hết tịch đề có liên quan. Tèo sử dụng điện thoại nhãn hiệu Samsung màu đen, loại màn hình cảm ứng, gắn sim số điện thoại 0702209507 để nhắn tin SMS chuyển đề cho P (số điện thoại 0931986607, do T quản lý) và hưởng tiền hoa hồng theo công thức, đối với tổng tiền ghi hai số nhân 09%, tổng số tiền ghi ba số trở lên, bao gồm các xiêng thì nhân cho 17% hoặc 20% trên tổng số tiền ghi hằng ngày (tiền trên tịch). Sau khi thống nhất kết quả thắng thua trong ngày, T1 xoá hết các tin nhắn đề có liên quan.

T1 và P thống nhất khi người chơi ghi đề đủ 5.000.000 đồng trở lên thì P giao cho Trần Văn S đến nhận tiền. Sau khi có kết quả xổ số, tính toán tiền thắng thua trong ngày thì S sẽ đến giao hoặc nhận số tiền còn chênh lệch. Việc chi trả tiền có lúc thực hiện bằng tiền mặt, có lúc T1 sử dụng tài khoản ngân hàng A1 (mang tên Lê Tự T1) chuyển tiền với P thông qua tài khoản ngân hàng Đ2 (mang tên Trần Văn S).

Căn cứ tài liệu chứng cứ thu thập được, từ ngày 30/7/2024 đến ngày 03/8/2024, Lê Tự T1 đã nhiều lần nhắn tin chuyển đề đến Trần Thế P. Tổng số tiền đánh bạc của Lê Tự T1 là 295.458.166 đồng. Hưởng lợi bất chính số tiền là 15.613.050 đồng. Số lần có tiền đánh bạc trên 20.000.000 đồng là 06 lần.

Kết quả P thua 25.721.216 đồng. Hiện tại T1 còn nợ Phiệt 13.400.000 đồng tiền ghi số lô – đề.

- **Trần Anh T3**: Từ đầu tháng 6 năm 2024, T3 biết Trần Thế P có đứng ra nhận số đề nên đã liên hệ đánh đề với P và được P đồng ý. T3 mua một sim điện thoại (không rõ số thuê bao) đăng ký Zalo tên "B1" để nhắn tin Z đánh đề với P (tài khoản Zalo tên "Hung" do T quản lý). Ngày 30/6/2024, T3 tham gia chơi cá độ bóng đá bị Phòng An ninh mạng và phòng, Công an tỉnh Q (cũ) bắt, khởi tố nên T3 không chơi đánh số đề nữa. Khoảng giữa tháng 7/2024, T3 sử dụng Z tên "B1" tiếp tục nhắn tin đánh đề với P. Ngày 02/8/2024, T3 mua 01 sim điện thoại (không rõ số thuê bao) đăng ký tài khoản zalo "Hồng Phát" nhắn tin đánh đề thay cho tài khoản "B1". Khi nhận tịch đề từ T3, P cho T3 hưởng tiền hoa hồng như sau: Với thể loại "đầu đuôi" lấy tổng tiền trên tịch x 1,3 x 69,5% = số tiền P nhận (tức là T3 hưởng 9,65% tiền hoa hồng trên tịch), với các thể loại còn lại lấy tổng tiền trên tịch x 1,3 x 62% = số tiền Phiệt nhận, (tức là T3 hưởng 19,4% tiền hoa hồng trên tịch). T3 và P thống nhất các số lô – đề có ghi ký hiệu chữ "Y" là lấy tổng tiền trên tịch x 62% = số tiền Phiệt nhận, (tức là T3 hưởng 38% tiền hoa hồng trên tịch). Khi biết tin vụ việc bị phát hiện, T3 đã vứt bỏ điện thoại di động và sim. Ngày 29/8/2024, Trần Anh T3 đã đến Cơ quan điều tra để đầu thú.

Do T3 thua nhiều nên Trần Văn S đưa tài khoản 011410117 ngân hàng Đ2 (chủ tài khoản Trần Văn S) để T3 chuyển tiền vào. T3 sử dụng tài khoản ngân hàng V2 (chủ tài khoản Trần Anh T3) hoặc nhờ các cửa hàng chuyển tiền nhanh chuyển khoản tiền đề vào tài khoản ngân hàng của S.

Căn cứ tài liệu chứng cứ thu thập được, từ ngày 02/8/2024 đến ngày 03/8/2024 Trần Anh T3 đã nhiều lần nhắn tin đánh đề đến Trần Thế P. Tổng số tiền đánh bạc của Trần Anh T3 là 222.312.333 đồng. Tổng tiền hoa hồng T3 được hưởng là 33.079.770 đồng. Số lần số tiền đánh bạc trên 5.000.000 đồng là 06 lần (trong đó có 02 lần trên 20 triệu và 01 lần trên 50 triệu đồng).

Theo lời khai của P và T3 thì hiện nay T3 còn nợ của P số tiền đánh đề là 103.639.000 đồng (đã bao gồm tiền thua đề ngày 02, 03/8/2024). Cơ quan điều tra không thu thập được tịch đề trong thời gian trước nên không có căn cứ xác định số tiền đánh bạc cụ thể.

- **Trần Thanh T4**: Từ ngày 15 tháng 7 năm 2024, T4 biết Trần Thế P có nhận lô đề nên đã sử dụng điện thoại nokia màu đen, model TA-1203 (IMEI 354275389201179, gắn sim số 0819307931) để nhắn tin SMS đánh đề với P (số điện thoại 0931986607, do T quản lý). Khi nhận đề, P cho T4 hưởng hoa hồng 09% tiền trên tịch đối với tịch đề 02 con số, cho hưởng 17% tiền trên tịch đối với tịch đề 03 con số, xiên. Từ ngày 29/7/2024, P cho T4 hưởng hoa hồng là 10% trên tất cả các tịch. Hàng ngày, sau khi thống nhất kết quả thắng thua, T4 xoá hết tin nhắn và các cuộc gọi có liên quan đến việc đánh đề với P.

T4 và P thống nhất khi tiền thắng thua đủ 5.000.000 đồng trở lên thì P giao cho Trần Văn S đến nhận tiền. Sau khi có kết quả xổ số, tính toán tiền thắng thua trong ngày thì S sẽ đến giao hoặc nhận số tiền còn chênh lệch. Việc chi trả tiền thực hiện bằng tiền mặt.

Căn cứ tài liệu chứng cứ thu thập được, từ ngày 15/7/2024 đến ngày 03/8/2024, Trần Thanh T4 đã nhiều lần nhắn tin đánh đề đến Trần Thế P. Tổng số tiền đánh bạc của Trần Thanh T4 là 228.458.889 đồng. Tổng tiền hoa hồng T4 được hưởng là 14.411.500 đồng. Số lần số tiền đánh bạc trên 5.000.000 đồng là 14 lần, trong đó có 02 lần số tiền đánh bac trên 20 triệu.

Kết quả P thắng 12.909.711 đồng. Hiện tại, giữa P và T4 đã thanh toán hết tiền thắng thua.

- **Nguyễn Thị Ngọc Á**: Từ cuối tháng 7 năm 2024, Á biết Trần Thế P có nhận lô đề nên đã sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A13, màu xanh (số sêri: R58T33EW52P, IMEI 1: 352469850240202, IMEI 2: 357132370240202, gắn sim số 0932518747 để nhắn tin SMS đánh đề với P (số điện thoại 0931986607, do T quản lý), được P cho hưởng tiền hoa hồng 10% tiền trên tịch. Hàng ngày, sau khi thống nhất kết quả thắng thua, Á xoá hết các tin nhắn và cuộc gọi liên quan đến việc đánh đề với P.

Á và P thống nhất khi tiền thắng thua đủ 5.000.000 đồng trở lên thì P giao cho Trần Văn S đến nhận tiền. Sau khi có kết quả xổ số, tính toán tiền thắng thua trong ngày thì S sẽ đến giao hoặc nhận số tiền còn chênh lệch. Việc chi trả tiền đề giữa Á và P được thực hiện bằng tiền mặt.

Căn cứ tài liệu chứng cứ thu thập được, từ ngày 31/7/2024 đến ngày 03/8/2024 Nguyễn Thị Ngọc Á đã nhiều lần nhắn tin đánh đề đến Trần Thế P. Tổng số tiền đánh bạc của Nguyễn Thị Ngọc Á là 43.504.400 đồng. Tổng tiền hoa hồng Á được hưởng là 2.101.500 đồng. Số lần số tiền đánh bạc trên 5.000.000 đồng là 03 lần.

Kết quả Á thắng 3.575.900 đồng. Hiện tại, giữa P và Á đã thanh toán hết tiền thắng thua.

- Ngoài các bị cáo nêu trên, còn có các nhà cái và con bạc của Trần Thế P là Trương Thế C3, Lê Thị H6.

*** Ngoài ra, P và T còn có hành vi đánh bạc như sau:**

Khi nhận các số lô – đề từ các con bạc và nhà cái dưới chuyển đến, thấy không khả năng thanh toán tiền thăng thua với con bạc, P yêu cầu T trích 30% đến 50% các số lô đề cùng số tiền con bạc đánh có xác suất trúng giải cao để đánh lại với nhà cái khác nhằm giảm số tiền phải chi trả khi con bạc trúng đề. Phiệt đã đánh các số lô – đề với hai nhà cái khác với tổng số tiền ghi trên tịch đề là: 60.480.000 đồng; Tổng số tiền P trúng đề là: 30.301.666 đồng. Tổng số tiền sử dụng để đánh bạc của P là: **90.781.666** đồng. Tổng số tiền hoa hồng P hưởng được là 5.443.000 đồng, kết quả từ việc đánh bạc Phiệt thua 24.735.334 đồng (không thu lợi). Cụ thể như sau:

- Đánh bạc với Huỳnh Trần Dự T16:

Vào khoảng cuối tháng 4/2024, T16 có đứng ra trực tiếp ghi đề cho khách rồi chuyển tịch đề đến Trần Thế P để hưởng hoa hồng. Sau đó do bị bệnh nên T16 không ghi số đề nữa. Trong thời gian nhận ghi số lô đề tại chợ V1, thị xã Đ (nay là phường Đ, thành phố Đà Nẵng), T16 biết một người tên là N (không rõ nhân thân, lai lịch) cũng là người đứng ra nhận số đề xung quanh chợ. Từ khoảng giữa tháng 7/2024, T16 biết được P muốn đánh lại các số lô đề (có khả năng trúng cao) sang cho người khác thì T16 trao đổi với P để T16 làm trung gian nhận tịch đề từ P sau đó chuyển cho N để hưởng tiền hoa hồng chênh lệch. Cụ thể: Khi T16 nhận tịch đề của P thì T16 sẽ trả cho P hoa hồng là 9% tiền trên tịch. T16 chuyển cho N thì N trả cho T16 hoa hồng là 10% tiền trên tịch. Thư sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu trắng gắn sim số 0796546752, đăng ký tài khoản zalo tên "Min" nhận tịch đề từ P (tài khoản zalo tên "Hung", sau đổi tên là "A L2" do T quản lý) và chuyển đến N (tài khoản zalo tên "Aaaaa"). T16 và P thống nhất chia mỗi bên nhận 50% trên tổng số tiền trên tịch. Hàng ngày, sau khi thống nhất tiền thắng thua thì T16 xóa hết các tin nhắn có liên quan.

T16 sử dụng tài khoản số 52999939799999 ngân hàng M2 (chủ tài khoản Huỳnh Trần Dự T16) để giao dịch tiền đề với P (số tài khoản: 011410117 ngân hàng Đ2, chủ tài khoản Trần Văn S). Đối với N thì T16 giao dịch bằng tiền mặt.

Căn cứ tài liệu chứng cứ thu thập được, ngày 03/8/2024, Trần Thế P đã nhiều lần nhắn tin đánh đề đến Huỳnh Trần Dự T16, cụ thể như sau:

+ Đài miền T: Tổng tiền trên tịch là 19.500.000 đồng, tổng số tiền thực tế P sử dụng đánh đề là 9.750.000 đồng, P trúng đề là 12.625.000 đồng. Tiền dùng để đánh bạc của P đối với đài miền T là 22.375.000 đồng.

+ Đài miền B: Tổng tiền trên tịch là 28.660.000 đồng, tổng số tiền thực tế P sử dụng đánh đề là 14.330.000 đồng, P trúng đề là 1.685.000 đồng. Tiền dùng để đánh bạc của P đối với đài miền B là 16.015.000 đồng;

+ Tiền hoa hồng 9% trên tịch Phiệt nhận được là 2.167.000 đồng.

+ Tiền tịch đề P đã chuyển cho T16 là

(9.750.000 đồng + 14.330.000 đồng) - 2.167.000 đồng = 21.913.000 đồng.

+ Tổng tiền hoa hồng T16 hưởng lợi được 1% là 241.000 đồng.

+ Tổng số tiền P dùng để đánh bạc là 38.390.000 đồng.

+ Số lần số tiền đánh bạc trên 5.000.000 đồng là 02 lần.

+ Kết quả trong ngày P thua 7.603.000 đồng.

- Đánh bạc với người không rõ lai lịch có số điện 0702.739.868:

Phiệt nhắn tin đánh lại các số lô đề (có khả năng trúng cao) với số điện thoại **0702.739.868**. P khai có nhận cuộc gọi từ số điện thoại trên một lần, cho rằng người gọi đến là Lê Viết H7 (sinh năm: 1983, trú tại: khối phố Bằng A, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh

Quảng Nam cũ, nay là khối phố Bằng A, phường A, thành phố Đà Nẵng) nên P yêu cầu T lưu lại số điện thoại này dưới tên "Hội". Phiệt và "Hội" thống nhất với nhau khi nào đánh đề số tiền thắng thua đến 50.000.000 đồng thì mới thanh toán một lần. Qua làm việc, Lê Viết H7 không thừa nhận việc nhận số lô đề từ Trần Thế P.

Căn cứ tài liệu thu thập được, từ ngày 01/8/2024 đến ngày 03/8/2024, P đã nhắn tin đánh đề với số điện thoại 0702.739.868, đồng thời số điện thoại này đã nhắn tin đánh đề với Trần Thế P.

+ Tổng số tiền P sử dụng đánh bạc là 52.391.666 đồng. Tổng tiền hoa hồng P hưởng lợi là 3.276.000 đồng. Số lần có tiền đánh bạc trên 5.000.000 đồng là 03 lần. Kết quả P thua 17.132.334 đồng.

+ Tổng số tiền số điện thoại 0702739868 đánh số lô – đề với P: Tổng số tiền P nhận là 4.000.000 đồng. Tổng số tiền người chơi thắng 0 đồng. Tổng số tiền hoa hồng người chơi nhận là 360.000 đồng. Kết quả P thắng 3.640.000 đồng.

Phiệt chưa thanh toán tiền thắng thua của ba ngày trên.

** Như vậy, đối với hành vi tổ chức đánh bạc:* Trần Thế P đã tổ chức đánh bạc dưới hình thức nhận, ghi số lô – đề với 03 con bạc Nguyễn Thị Ngọc Á, Trần Anh T3, Trần Thanh T4 và 06 nhà cái dưới (Nguyễn Thị Như H, Dương Thị Xuân T2, Lê Tự T1, Trương Thế C3, Lê Thị H6 và số điện thoại 0702739868) với tổng số tiền trên tịch là: 1.017.099.000 đồng, tổng tiền khách trúng đề: 772.938.051 đồng. Tổng số tiền tổ chức đánh bạc: 1.790.037.051 đồng, tổng tiền nhận được từ con bạc và nhà cái dưới: 901.495.660 đồng, thu lợi bất chính số tiền: 124.869.506 đồng. Số lần tổ chức đánh bạc trên 20.000.000 đồng: 29 lần.

Đối với hành vi đánh bạc: Tổng số tiền Trần Thế P và Lê Vĩnh T dùng để đánh bạc với Huỳnh Trần Dự T16 là 38.390.000 đồng, trong đó số lần số tiền đánh bạc trên 5.000.000 đồng là 02 lần. Kết quả P thua 7.603.000 đồng. Tổng số tiền Trần Thế P và Lê Vĩnh T dùng để đánh bạc với số điện thoại 0702739868 là 52.391.666 đồng, trong đó số lần có tiền đánh bạc trên 5.000.000 đồng là 03 lần. Tổng số tiền đánh bạc các lần là 90.781.666 đồng. Tổng tiền hoa hồng P hưởng lợi là 3.276.000 đồng. Kết quả P thua 17.132.334 đồng.

* Với nội dung vụ án như trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 116/2026/HS-ST ngày 11/6/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đà Nẵng đã quyết định:

I. Tuyên bố:

- Các bị cáo Trần Thế P, Lê Vĩnh T phạm tội *"Tổ chức đánh bạc"* và tội *"Đánh bạc"*.

- Các bị cáo Trần Văn S, Lê Tự T1, Nguyễn Thị Như H, Dương Thị Xuân T2 phạm tội *"Tổ chức đánh bạc"*.

- Các bị cáo Trần Anh T3, Nguyễn Thị Ngọc Á và Trần Thanh T4 phạm tội *"Đánh bạc"*.

1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 322; khoản 1 Điều 321; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 55 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Trần Thế P 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tổ chức đánh bạc" và 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Đánh bạc". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trần Thế P phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 06 (sáu) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Căn cứ b khoản 2 Điều 322; khoản 1 Điều 321; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 55 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Lê

Vĩnh T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tổ chức đánh bạc" và 01 (một) năm tù về tội "Đánh bạc". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Lê Vĩnh T phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 322; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Trần Văn S 03 (ba) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

4. Căn cứ điểm c, đ khoản 1 Điều 322; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Lê Tự T1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

5. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 322; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Nguyễn Thị Như H 02 (hai) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

6. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 322; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Dương Thị Xuân T2 02 (hai) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

7. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 55 và Điều 56 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Trần Anh T3 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án. Tổng hợp hình phạt với 09 (chín) tháng tù tại bản án số 99/2025/HSST ngày 14/8/2025 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 (hai) bản án là 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

8. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Nguyễn Thị Ngọc Á 01 (một) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

9. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Trần Thanh T4 02 (hai) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

II.Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 322 và khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

- Trần Thế P: Phạt tiền bổ sung tội tổ chức đánh bạc 40.000.000 đồng; tội đánh bạc 20.000.000 đồng. Tổng cộng là 60.000.000 đồng.
- Lê Vĩnh T: Phạt tiền bổ sung tội tổ chức đánh bạc 20.000.000 đồng; tội đánh bạc 10.000.000 đồng. Tổng cộng là 30.000.000 đồng.
- Trần Văn S: Phạt tiền bổ sung 20.000.000 đồng.
- Nguyễn Thị Như H: Phạt tiền bổ sung 20.000.000 đồng.
- Dương Thị Xuân T2: Phạt tiền bổ sung 20.000.000 đồng.
- Lê Tự T1: Phạt tiền bổ sung 20.000.000 đồng.
- Trần Anh T3: Phạt tiền bổ sung 10.000.000 đồng.
- Nguyễn Thị Ngọc Á: Phạt tiền bổ sung 10.000.000 đồng.
- Trần Thanh T4: Phạt tiền bổ sung 10.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định hình phạt đối với các bị cáo khác, về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

* Các ngày 12, 15, 17, 22/6/2026, các bị cáo Dương Thị Xuân T2, Lê Tự T1, Nguyễn Thị Như H, Trần Thế P, Lê Vĩnh T, Trần Văn S, Nguyễn Thị Ngọc Á, Trần Thanh T4,

Trần Anh T3 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Trần Thế P, Lê Vĩnh T về các tội "Tổ chức đánh bạc" và "Đánh bạc" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 322 và khoản 1 Điều 321; các bị cáo Trần Văn S, Lê Tự T1, Nguyễn Thị Như H, Dương Thị Xuân T2 về tội "Tổ chức đánh bạc" theo quy định tại Điều 322; các bị cáo Trần Anh T3, Trần Thanh T4, Nguyễn Thị Ngọc Á về tội "Đánh bạc" theo quy định tại Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ và đúng pháp luật. Đồng thời, đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để làm căn cứ xử phạt các bị cáo Trần Thế P 06 năm tù, Lê Vĩnh T 04 năm 06 tháng, Trần Văn S 03 năm tù, Lê Tự T1 02 năm 06 tháng tù, Nguyễn Thị Như H 02 năm tù, Dương Thị Xuân T2 02 năm tù, Trần Anh T3 02 năm 06 tháng tù, Trần Thanh T4 02 năm tù, Nguyễn Thị Ngọc Á 01 năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Trần Thế P nộp số tiền thu lợi bất chính, phạt bổ sung và án phí 165.069.506 đồng; bị cáo Trần Văn S nộp số tiền thu lợi bất chính, phạt bổ sung và án phí 36.200.000 đồng; bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Á nộp số tiền phạt bổ sung và án phí 10.200.000 đồng; bị cáo Lê Tự T1 nộp số tiền phạt bổ sung và án phí 20.200.000 đồng; bị cáo Trần Thanh T4 nộp số tiền thu lợi bất chính, phạt bổ sung và án phí 14.310.500 đồng; bị cáo Nguyễn Thị Như H nộp số tiền phạt bổ sung và án phí 20.200.000 đồng; bị cáo Dương Thị Xuân T2 nộp số tiền phạt bổ sung và án phí 20.200.000 đồng; bị cáo Trần Anh T3 nộp số tiền phạt bổ sung 10.000.000 đồng, tiền thu lợi bất chính 28.079.770 đồng và án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng, tổng cộng là 38.279.770 đồng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, mức hình phạt mà Toà án cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp với hành vi phạm tội của các bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt.

* Người bào chữa cho các bị cáo Trần Thế P, Trần Văn S trình bày luận cứ:

Thống nhất về tội danh và Điều luật mà Toà án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo Trần Thế P và Trần Văn S, tuy nhiên, hình phạt mà Toà án cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là nặng. Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo bổ sung tài liệu, chứng cứ mới như sau: Bị cáo Trần Thế P nộp số tiền thu lợi bất chính, tiền phạt bổ sung và án phí tổng cộng là 165.069.506 đồng và đơn xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn; bị cáo Trần Văn S nộp số tiền thu lợi bất chính, tiền phạt bổ sung và án phí tổng cộng là 36.200.000 đồng và các tài liệu về bệnh ung thư trực tràng giai đoạn 3, đang hoá trị và xạ trị tại Bệnh viện U. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

* Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Thị Như H, Dương Thị Xuân T2 trình bày luận cứ:

Thống nhất về tội danh và Điều luật mà Toà án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Thị Như H và Dương Thị Xuân T2, tuy nhiên, hình phạt mà Toà án cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là nặng. Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo bổ sung tài liệu, chứng cứ mới như sau: Bị cáo Nguyễn Thị Như H nộp số tiền phạt bổ sung và án phí tổng cộng là 20.200.000 đồng; bị cáo Dương Thị Xuân T2 nộp số tiền phạt bổ sung và án phí tổng cộng là 20.200.000 đồng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận

kháng cáo của các bị cáo, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và cho hưởng án treo.

* Các bị cáo không tranh luận, xin được giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Trần Thế P, Lê Vĩnh T, Trần Văn S, Lê Tự T1, Nguyễn Thị Như H, Dương Thị Xuân T2, Trần Anh T3, Trần Thanh T4, Nguyễn Thị Ngọc Á có đơn kháng cáo theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên kháng cáo của bị cáo là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Trần Thế P, Lê Vĩnh T, Trần Văn S, Lê Tự T1, Nguyễn Thị Như H, Dương Thị Xuân T2, Trần Anh T3, Trần Thanh T4, Nguyễn Thị Ngọc Á đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được Cơ quan điều tra chứng minh có tại hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên toà.

Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở kết luận hành vi phạm tội của từng bị cáo có kháng cáo như sau:

- Bị cáo Trần Thế P: Từ ngày 31.7.2024 đến ngày 03.8.2024, tại phường T, quận H (nay là phường H, thành phố Đà Nẵng) Trần Thế P cùng với Lê Vĩnh T và Trần Văn S tổ chức đánh đề thắng thua bằng tiền với Nguyễn Thị Như H, Dương Thị Xuân T2, Lê Tự T1, Nguyễn Thế C4, Lê Thị H6, Huỳnh Trần Dự T16, Trần Anh T3, Trần Thanh T4, Lê Nguyễn Thị Ngọc Á. Bị cáo P là người giữ vai trò cầm đầu trong việc tổ chức đánh bạc, là người trực tiếp nhận các số lô – đề từ những người bán số lô – đề và con bạc, tự thanh toán tiền thắng thua với các con bạc, thuê Lê Vĩnh T làm đầu mối tiếp nhận các số lô – đề của con bạc, thống kê, tính toán kết quả thắng thua hằng ngày với con bạc và thuê Trần Văn S là người trực tiếp gặp con bạc để thu, trả tiền thắng - thua hằng ngày. Tổng số tiền ghi trên tịch đề do đầu cái cấp dưới và người chơi chuyển lên là: 1.017.099.000 đồng; tổng số tiền người chơi thắng là: 772.938.051 đồng. Tổng số tiền tổ chức đánh bạc trong đường dây lô – đề là: 1.790.037.051 đồng. Tổng số tiền P hưởng lợi từ việc tổ chức đánh bạc là 124.869.506đ.

Ngoài ra, khi nhận các số lô – đề từ các con bạc và nhà cái dưới chuyển đến, thấy không khả năng thanh toán tiền thắng thua với con bạc, P yêu cầu T trích 30% đến 50% các số lô đề cùng số tiền con bạc đánh có xác suất trúng giải cao để đánh lại với nhà cái khác nhằm giảm số tiền phải chi trả khi con bạc trúng đề. Phiệt đã đánh các số lô – đề với hai nhà cái khác với tổng số tiền ghi trên tịch đề là: 60.480.000 đồng; tổng số tiền P trúng đề là: 30.301.666 đồng. Tổng số tiền sử dụng để đánh bạc của P là: 90.781.666 đồng. Tổng số tiền hoa hồng P hưởng được là 5.443.000 đồng, kết quả từ việc đánh bạc Phiệt thua 24.735.334 đồng (không thu lợi).

- Bị cáo Lê Vĩnh T: T là người giúp sức tích cực cho Trần Thế P trong hoạt động tổ chức đánh bạc. Bị cáo T là người trực tiếp tiếp nhận các số lô – đề do nhà cái cấp dưới và con bạc chuyển lên, là người chủ động tính toán tiền thắng thua rồi thông báo kết quả về lại cho P và thông báo số tiền cần thu – trả cho các nhà cái, con bạc đến Trần Văn S là người đi thu tiền. Bị cáo thu lợi bất chính 30.000.000 đồng, là tiền công trong quá trình làm việc cho Trần Thế P.

Ngoài ra, sau khi nhận số lô đề do nhà cái cấp dưới và các con bạc chuyển lên, bị cáo đã giúp P lựa chọn các số lô – đề mà nhà cái dưới, con bạc đánh có xác suất trúng

cao đánh sang nhà cái khác. Bị cáo T đã giúp P đánh các số lô – đề với hai nhà cái khác với tổng số tiền ghi trên tịch đề là: 60.480.000 đồng; tổng số tiền P trúng đề là: 30.301.666 đồng, tổng số tiền sử dụng để đánh bạc của T giúp P là: 90.781.666 đồng.

- Bị cáo Trần Văn S: S là người giúp sức cho Trần Thế P trong hoạt động tổ chức đánh số lô đề. S có vai trò thu tiền thắng hay trả tiền thua với nhà cái dưới và con bạc thay cho Trần Thế P khi có thông báo kết quả cuối ngày của Lê Vĩnh T. S đã thu lợi 19.000.000 đồng, là tiền công và tiền thưởng trong quá trình làm việc cho Trần Thế P. S không nắm được cụ thể cách thức hoạt động tiếp nhận, đánh số lô – đề.

- Bị cáo Nguyễn Thị Như H: H đã trực tiếp nhận các số đề từ những người chơi, sau đó chuyển tịch đề cho Trần Thế P để hưởng hoa hồng. Tổng số tiền đánh bạc của Nguyễn Thị Như H là 247.766.433 đồng, có 08 lần sử dụng tổng số tiền đủ 20.000.000 đồng trở lên để đánh bạc, thu lợi bất chính số tiền 11.965.750 đồng.

- Bị cáo Dương Thị Xuân T2: T2 đã trực tiếp nhận các số đề từ những người chơi, sau đó chuyển tịch đề cho Trần Thế P để hưởng lợi, với tổng số tiền đánh bạc là 274.550.000 đồng, có 03 lần tiền đủ 20.000.000 đồng trở lên để đánh bạc. T2 lợi bất chính số tiền 16.505.200 đồng.

- Bị cáo Lê Tự T1: Tèo đã trực tiếp nhận các số đề từ những người chơi, sau đó chuyển tịch đề cho Trần Thế P để hưởng lợi. Tổng số tiền đánh bạc của T1 là 295.458.166 đồng, có 06 lần sử dụng tổng số tiền đủ 20.000.000 đồng trở lên để đánh bạc, thu lợi bất chính số tiền 15.613.050 đồng.

- Bị cáo Trần Anh T3: T3 đã có hành vi đánh bạc với Trần Thế P, với số tiền đánh bạc là 222.312.333 đồng, có 06 lần sử dụng tổng số tiền đủ 5.000.000 đồng trở lên để đánh bạc, trong đó có 01 lần đánh trên 50.000.000 đồng. Tổng số tiền hoa hồng T3 được hưởng là 33.079.770 đồng, kết quả T3 thua 85.805.897 đồng.

- Bị cáo Trần Thanh T4: T4 đánh số đề với Trần Thế P, với tổng số tiền là 228.458.889 đồng, có 24 lần sử dụng số tiền đánh bạc đủ 5.000.000 đồng trở lên. Tổng số tiền hoa hồng được hưởng là 14.411.500 đồng, kết quả T4 thua 12.909.711 đồng.

- Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Á: Ánh đánh số đề với Trần Thế P, với tổng số tiền là 43.504.400 đồng, có 03 lần sử dụng tổng số tiền đủ 5.000.000 đồng trở lên để đánh bạc. Ánh thắng 3.575.900 đồng. Tổng số tiền hoa hồng Á được hưởng là 2.101.500 đồng.

Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm số 116/2026/HS-ST ngày 11/6/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đà Nẵng đã kết án các bị cáo Trần Thế P, Lê Vĩnh T về các tội "Tổ chức đánh bạc" và "Đánh bạc" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 322 và khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự; bị cáo Trần Văn S về tội "Tổ chức đánh bạc" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 322 Bộ luật Hình sự; bị cáo Lê Tự T1 về tội "Tổ chức đánh bạc" theo quy định tại điểm c, đ khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Nguyễn Thị Như H, Dương Thị Xuân T2 về tội "Tổ chức đánh bạc" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; bị cáo Trần Anh T3 về tội "Đánh bạc" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Trần Thanh T4, Nguyễn Thị Ngọc Á về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 *(sửa đổi, bổ sung năm 2017)* là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo Trần Thế P, Lê Vĩnh T, Trần Văn S, Lê Tự T1, Nguyễn Thị Như H, Dương Thị Xuân T2, Trần Anh T3, Trần Thanh T4, Nguyễn Thị Ngọc Á, thì thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra; đã áp dụng đầy đủ tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015

(sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Trần Thế P mức hình phạt 06 năm tù cho hai tội, bị cáo Lê Vĩnh T mức hình phạt 04 năm 06 tháng, bị cáo Trần Văn S mức hình phạt 03 năm tù, bị cáo Lê Tự T1 mức hình phạt 02 năm 06 tháng tù, bị cáo Nguyễn Thị Như H mức hình phạt 02 năm tù, bị cáo Dương Thị Xuân T2 mức hình phạt 02 năm tù, bị cáo Trần Anh T3 mức hình phạt 02 năm 06 tháng tù, bị cáo Trần Thanh T4 mức hình phạt 02 năm tù, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Á mức hình phạt 01 năm tù là có căn cứ pháp luật.

Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo bổ sung **chứng cứ mới** về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, do đó, Hội đồng xét xử xem xét như sau:

- Bị cáo Trần Thế P nộp số tiền thu lợi bất chính, tiền phạt bổ sung và án phí tổng cộng là 165.069.506 đồng và đơn xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn; bị cáo Trần Văn S nộp số tiền thu lợi bất chính, tiền phạt bổ sung và án phí tổng cộng là 36.200.000 đồng và các tài liệu về bệnh ung thư trực tràng giai đoạn 3, đang hoá trị và xạ trị tại Bệnh viện U; bị cáo Lê Tự T1 nộp số tiền phạt bổ sung và án phí tổng cộng là 20.200.000 đồng; bị cáo Trần Thanh T4 nộp số tiền thu lợi bất chính, tiền phạt bổ sung và án phí tổng cộng là 14.310.500 đồng; bị cáo Trần Anh T3 nộp số tiền phạt bổ sung 10.000.000 đồng, tiền thu lợi bất chính 28.079.770 đồng và án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng, tổng cộng là 38.279.770 đồng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Riêng bị cáo Trần Anh T3 áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo Nguyễn Thị Như H nộp số tiền phạt bổ sung và án phí tổng cộng là 20.200.000 đồng; bị cáo Dương Thị Xuân T2 nộp số tiền phạt bổ sung và án phí tổng cộng là 20.200.000 đồng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015. Tuy nhiên, các bị cáo phạm tội nhiều lần thuộc loại tội nghiêm trọng nên không đủ điều kiện để được hưởng án treo. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nhưng không cho hưởng án treo.

- Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Á nộp số tiền phạt bổ sung và án phí tổng cộng là 10.200.000 đồng; bị cáo có 03 con trong đó có con nhỏ nhất sinh 2018 (dưới 15 tuổi). Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015. Xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, số tiền đánh bạc không lớn, các lần phạm tội đều thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, việc không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù không ảnh hưởng đến việc đấu tranh phòng chống tội phạm. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm về hình phạt, áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 205 cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và giao cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ sức giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội.

- Riêng bị cáo Lê Vĩnh T chưa nộp tiền phạt bổ sung nhưng bị cáo có nhân thân tốt, chỉ giữ vai trò giúp sức, đã tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo Trần Thế P, Lê Vĩnh T, Trần Văn S, Lê Tự T1, Nguyễn Thị Như H, Dương Thị Xuân T2, Trần Anh T3, Trần Thanh T4, Nguyễn Thị Ngọc Á không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Thế P, Lê Vĩnh T, Trần Văn S, Lê Tự T1, Nguyễn Thị Như H, Dương Thị Xuân T2, Trần Anh T3, Trần Thanh T4, Nguyễn Thị Ngọc Á, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 116/2026/HS-ST ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đà Nẵng về hình phạt.

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 322; khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Trần Thế P 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù về tội "Tổ chức đánh bạc" và 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Đánh bạc".

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo **Trần Thế P** phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là **05** (năm) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

Phạt tiền bổ sung tội tổ chức đánh bạc 40.000.000 đồng; tội đánh bạc 20.000.000 đồng. Tổng cộng là 60.000.000 đồng (bị cáo đã nộp đủ).

2.2. Căn cứ b khoản 2, khoản 3 Điều 322; khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Lê Vĩnh T 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Tổ chức đánh bạc" và 01 (một) năm tù về tội "Đánh bạc".

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo **Lê Vĩnh T** phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là **04** (bốn) năm **03** (ba) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

Phạt tiền bổ sung tội tổ chức đánh bạc 20.000.000 đồng; tội đánh bạc 10.000.000 đồng. Tổng cộng là 30.000.000 đồng (chưa nộp).

2.3. Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 322; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: **Trần Văn S** **02** (hai) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

Phạt tiền bổ sung 20.000.000 đồng (bị cáo đã nộp đủ).

2.4. Căn cứ điểm c, đ khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: **Lê Tự T1** **02** (hai) năm **03** (ba) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

Phạt tiền bổ sung 20.000.000 đồng (bị cáo đã nộp đủ).

2.5. Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: **Nguyễn Thị Như H** **01** (một) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

Phạt tiền bổ sung 20.000.000 đồng (bị cáo đã nộp đủ).

2.6. Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: **Dương Thị Xuân T2** **01** (một) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

Phạt tiền bổ sung 20.000.000 đồng (bị cáo đã nộp đủ).

2.7. Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54; Điều 55 và Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: **Trần Anh T3** **02** (hai) năm **03** (ba) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt với 09 (chín) tháng tù tại bản án số 99/2025/HSST ngày 14/8/2025 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, buộc bị cáo **Trần Anh T3** phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là **03** (ba) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án phạt tù của bản án số 99/2025/HSST ngày 14/8/2025 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng là ngày **01/7/2026**.

Phạt tiền bổ sung 10.000.000 đồng (bị cáo đã nộp đủ).

2.8. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: **Trần Thanh T4** **01** (một) năm **09** (chín) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

Phạt tiền bổ sung 10.000.000 đồng (bị cáo đã nộp đủ).

2.9. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: **Nguyễn Thị Ngọc Á** **01** (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **02** (hai) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (04/9/2026). Giao bị cáo Á cho Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố Đà Nẵng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 87 Luật Thi hành án hình sự năm 2025.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Toà án buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù của bản án này và tổng hợp hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Phạt tiền bổ sung 10.000.000 đồng (bị cáo đã nộp đủ).

3. Các bị cáo Trần Thế P, Lê Vĩnh T, Trần Văn S, Lê Tự T1, Nguyễn Thị Như H, Dương Thị Xuân T2, Trần Anh T3, Trần Thanh T4, Nguyễn Thị Ngọc Á không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án *(04/9/2026)*.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV - Công an TP. Đà Nẵng;
- CQ THAHS - Công an TP. Đà Nẵng;
- CQ CSĐT Công an TP Đà Nẵng;
- TAND khu vực 1 – Đà Nẵng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND khu vực 1 – Đà Nẵng;
- Vụ GĐKT I – TAND tối cao;
- Phòng THADS khu vực 1 – Đà Nẵng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

Huỳnh Văn Phú

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁNTHẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ